

Bản án số: 148/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30/12/2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Dương Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Hữu Thái;

- Bà Nguyễn Thị Yến.

- ***Thư ký phiên tòa:*** bà Ngô Thị Thanh Hà - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:*** ông Hoàng Văn Tùng- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 513/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc: ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Phùng Văn N, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn Q, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt).

Bị đơn: bà Dương Thị H, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn Q, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn ông Phùng Văn N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: ông và bà Dương Thị H kết hôn năm 1992 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L. Sau khi cưới, ông và bà H về ở với nhau ngay, hai người sống H phúc một thời gian dài và đã có ba con chung là:

- Phùng Văn Kh, sinh năm 1993;
- Phùng Văn H, sinh năm 1994;
- Phùng Thị Th, sinh năm 1996.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là xảy ra từ lâu, ông và bà H thường xuyên cãi nhau. Từ năm 2016 bà H không đóng góp gì về kinh tế gia đình, ông đã nhiều lần tại sao thì bà H không nói; bà H đi làm tại khu Công nghiệp Việt Yên; ông ở nhà làm nông nghiệp, chi tiêu các khoản trong gia đình ông phải chịu hết, hai bên không thống nhất được việc làm kinh tế; bà H cho rằng ông không biết làm ăn, coi thường ông, ông đã nhẫn nhịn, nhưng bà H thường xuyên chì chiết, xúc phạm ông. Do không chịu được nên vợ chồng xảy ra cãi nhau thường xuyên. Ông và bà H sống chung một nhà, nhưng không ai quan tâm đến ai, không còn quan hệ vợ chồng đã lâu; ông nghĩ về các con, nên không muốn ly hôn, nhưng bà H ngày càng coi thường ông, Nay ông xác định tình cảm vợ chồng đã hết, nên đề nghị Tòa án cho được ly hôn.

Về con chung: ông và bà H có 3 con chung, các con đã trưởng thành, có công ăn việc làm ổn định, ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: để ông và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn bà Dương Thị H trình bày:* bà công nhận điều kiện kết hôn và thời gian kết hôn như ông N trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, bà và ông N về chung sống với nhau ngay, hai người sống H phúc một thời gian dài và đã có 3 con chung như ông N trình bày là đúng.

Tại bản tự khai và lời khai của bà H ngày 28/10/2022 bà hành trình bày: trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn xảy ra từ năm 2016, hai bên thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, nhưng bà vẫn chịu đựng để nuôi dạy con, đến Nay không chịu được nữa, ông N xin ly hôn bà đồng ý.

Tại lời khai ngày 17/11/2022 bà H trình bày: giữa bà và ông N chỉ có va chạm nhỏ trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng không lớn, ông N xin ly hôn, bà không đồng ý, đề nghị Tòa án hòa giải để bà và ông N về đoàn tụ.

- Về con chung: bà và ông N có 3 con chung như ông N trình bày là đúng; các con bà đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Do bà không đồng ý ly hôn, nên không yêu cầu giải quyết về tài sản.

**Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phùng Văn N không rút đơn khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.*

- Ông Phùng Văn N trình bày: ông và bà H kết hôn đến nay được 31 năm, hai người sống H phúc một thời gian dài và đã có 3 con chung, các con ông đã trưởng thành và có công ăn việc làm, tự lo được cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2016, bà H coi thường ông, cho rằng ông không kiếm ra tiền, bà H đi làm Công ty, công việc nhà từ lớn đến nhỏ ông lo hết, khi xây nhà ông cũng lo mọi việc, vay tiền mọi người ông phải tự lo trả; bà H không đưa cho ông đồng nào, mọi sinh hoạt trong gia đình ông cũng phải lo; 2 con trai ông đi làm, vẫn gửi tiền về cho ông mua sắm đồ dùng gia đình và chi tiêu; nhiều lần ông hỏi bà H tại sao không đưa tiền cho ông thì bà H không đồng ý, hai vợ chồng cãi nhau thường xuyên, đã có lần ông đánh bà H, sau đó ông thấy đánh phụ nữ là sai, nên không bao giờ ông đánh bà H nữa; hai người ở chung một nhà, nhưng không ăn cùng nhau, không còn quan hệ vợ chồng đã lâu. Nay ông xác định không còn tình cảm với bà H, nên đề nghị được ly hôn.

- Bà Dương Thị H trình bày: bà công nhận thời gian kết hôn, quá trình chung sống, con chung như ông N trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà và ông N chỉ là mâu thuẫn nhỏ, vợ chồng có cãi nhau, nhưng không lớn, bà vẫn thương yêu ông N và không đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều: 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều: 147, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: cho ông Phùng Văn N được ly hôn bà Dương Thị H.

Về án phí: ông N phải chịu tiền án phí theo quy định.

Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam. Sau khi Th luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: ông Phùng Văn N có đơn xin ly hôn với bà Dương Thị H nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS) xác định quan hệ pháp luật là: Ly hôn.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Dương Thị H là bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: ông Phùng Văn N và bà Dương Thị H kết hôn ngày 28/8/1992, trên cơ sở tự nguyện. Trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bắc Lũng, huyện Lục Nam theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 1987. Do vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Ông N và bà H đã sống chung một thời gian dài và có ba con chung là:

- Phùng Văn Kh, sinh năm 1993;
- Phùng Văn H, sinh năm 1994;
- Phùng Thị Th, sinh năm 1996.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: theo ông Phùng Văn N trình bày: vợ chồng thường xuyên cãi nhau từ năm 2016 bà H không đóng góp gì về kinh tế gia đình, ông đã nhiều lần tại sao không đóng góp gì cho gia đình, thì bà H không nói; bà H đi làm tại khu Công nghiệp Việt Yên; ông ở nhà làm nông nghiệp, chi tiêu các khoản trong gia đình ông phải chịu hết, hai bên không thống nhất được việc làm kinh tế; bà H cho rằng ông không biết làm ăn, coi thường ông, ông đã nhẫn nhịn, nhưng bà H thường xuyên chì chiết, xúc phạm ông. Do không chịu được nên vợ chồng xảy ra cãi nhau thường xuyên.

Còn theo bà H trình bày: vợ chồng không có mâu thuẫn gì, chỉ là những va chạm nhỏ trong cuộc sống.

Xét thấy: bà H cho rằng vợ chồng không mâu thuẫn gì, nhưng tại bản tự khai ngày 28/10/2022 và lời khai ngày 28/10/2022 bà H xác định vợ chồng cãi nhau thường xuyên từ năm 2016 đến nay, bà cũng không thể sống chung được với ông N;

Tại lời khai của hai con ông N và bà H, đều thể hiện ông N và bà H có xảy ra cãi nhau, bà H coi thường ông N, hay xúc phạm ông N; tại biên bản làm việc với Trưởng thôn Q, ông Trưởng thôn cho biết việc ông N xin ly hôn, ông đã mời vợ chồng ông N để giải thích và hòa giải, nhưng ông N vẫn giữ nguyên quan điểm

xin ly hôn. Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, ông N giữ nguyên quan điểm không còn tình cảm với bà H và cương quyết xin ly hôn.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình qui định:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”.

Ông N xác định không còn thương yêu, đã hết tình cảm với bà H; bà H không quan tâm, chăm sóc giúp đỡ ông N thực hiện công việc trong gia đình. Như vậy ông N và bà H đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho ông N được ly hôn bà H.

[2.3] Về con chung: ông N và bà H có ba con chung, hiện đã trưởng thành; ông N và bà H không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung: các bên đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: ông N là nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ông Phùng Văn N được ly hôn bà Dương Thị H.

2. Về án phí: Ông Phùng Văn N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình; số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng ông N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014129 ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Ông N đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: báo cho nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Bắc Lũng, huyện Lục Nam;
- Đường sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Lưu HS+VT.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Dương Thế Vinh